

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HS-ST
Ngày 30-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Sơn

Ông Nguyễn Đăng Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thành-Thư ký TAND huyện Tiên Du

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2019/TLST-HS ngày 30/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-HS ngày 02/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Huy H, sinh năm 1964; Tên gọi khác: Nguyễn Văn H, Phạm Thanh H; Quê quán: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 52, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Y (tên gọi khác Phạm Huy Y), sinh năm 1930 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Nguyễn Thị M), sinh năm 1929 (đã chết); Có vợ Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1982; Có 05 con, lớn nhất sinh năm 1991 (là con của vợ trước), nhỏ nhất sinh năm 2015.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 28/1994/HSST ngày 26/4/1994 của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc (nay là thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) xử phạt Phạm Thanh H 10 tháng tù về tội “ Chứa mại dâm”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/10/1994.

+ Tại Bản án số 114/1998/HSST ngày 26/5/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xử phạt Phạm Thanh H 08 năm tù về tội “ Chứa mại dâm”. Được đặc xá, tha tù ngày 30/4/2000.

+ Tại Bản án số 572/2005/HSST ngày 12/12/2005 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt Phạm Huy H (tên gọi khác: Phạm Thanh H, Nguyễn Văn H) 30 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/3/2007.

+ Tại bản án số 236/2019/HSST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm xử phạt Phạm Huy H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H, Phạm Thanh H) 03 năm tù về tội “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 772/2019/HS-PT ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Huy H.

- Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh – Có mặt

2. Lê Đức T, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 413, đường S, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê H, sinh năm 1974 và con bà Đỗ Thị L, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh – Có mặt

3. Lê Văn T1, sinh năm 1999; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 17, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Lê Đình C, sinh năm 1970 và con bà Trần Thị D, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh – Có mặt

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973 và con bà Vi Thị B1, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh – có mặt

**Người bào chữa cho bị cáo Phạm Huy H:* Ông Phạm Duy H1 – Luật sư Công ty Luật TNHH số 1 Hà Nội (có mặt)

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà số 33 L, quận B, thành phố Hà Nội

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Lê Thị H1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

- Anh Trần Đình N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

- Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

- Chị Trần Thị M, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai

- Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

HKTT: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018 Phạm Huy H đầu tư xây dựng quán Karaoke H Không ở thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Du và nhờ Lê Thị H1 đứng tên đăng ký kinh doanh. Quá trình hoạt động, H1 phụ trách các phòng nghỉ còn H phụ trách các phòng hát karaoke, đảm bảo an ninh trật tự. Sau đó H thuê Lê Đ T, Lê Văn T1 còn H1 thuê Nguyễn Văn T làm nhân viên. Khoảng 13 giờ ngày 10/5/2019 H dọn phòng hát 301 thì thấy dưới cục loa súp có 01 túi ni lon màu trắng, bên trong chứa 05 viên nén hình tròn màu xanh và 02 túi ni lon màu trắng bên trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng. Biết các viên nén hình tròn màu xanh là ma túy kẹo và chất tinh thể màu trắng là ma túy Ketamine nên H mang về phòng nghỉ của mình. Khoảng 15 giờ ngày 11/5/2019 H mang số ma túy trên xuống quầy lễ tân đưa cho Lê Đ T và nói “Ma túy nhật được, không dùng, có khách mua thì bán”. Đ T cầm số ma túy trên cất vào hộp đầu thu camera ở quầy lễ tân tầng 1 quán karaoke H. Lúc đó T1 đứng cạnh lên biết toàn bộ sự việc.

Khoảng 23 giờ ngày 11/5/2019 các đối tượng Trần Đình N, Nguyễn Văn An, Nguyễn Hữu S, Nguyễn Văn Đ đến quán karaoke H hát. Đ T sắp xếp phòng hát Vip1(phòng 201) cho N và bảo các nhân viên Lò Thị D, Hoàng Thị P, Nguyễn Kim H, Hoàng Thị N1 phục vụ khách hát, bấm bài. Hát được một lúc thì N gọi T1 vào phòng hát Vip1 đưa số tiền 4.500.000 đồng nhờ T1 mua hộ 05 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy ke. T1 đồng ý cầm tiền xuống đưa cho Đ T sau đó Đ T đưa cho T1 01 túi ni lon ma túy bên trong chứa 05 viên nén hình tròn màu xanh và 01 túi ma túy bên trong chứa chất tinh thể màu trắng để mang lên phòng hát Vip1. Lúc này H đang đứng ở gần quầy lễ tân tầng 1, Đ T liền đưa cho H số tiền bán ma túy 4.500.000 đồng và nói với H “Đây là tiền cháu bán được ma túy của chú đưa lúc chiều”. Sau khi nhận ma túy tại phòng hát N bảo T1 “xào” ma túy Ketamine. Do quen biết N nên T1 đồng ý và cầm túi ma túy Ketamine đi xuống tầng 1 để lấy đĩa sứ mang lên phòng hát Vip 1 “xào”. Lúc này N lấy 02 viên ma túy kẹo ra sử dụng

bằng hình thức nuốt cùng nước côca còn lại 03 viên ma túy kẹo N để tại mặt bàn uống nước trong phòng hát Vip1. Tại phòng hát An sử dụng 1,5 viên bằng hình thức nuốt cùng nước Côca, D, P và H cũng sử dụng mỗi người 0,5 viên ma túy kẹo bằng cách nuốt cùng nước Côca. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/5/2019 T1 mang 01 chiếc đĩa sứ màu trắng cùng 01 chiếc bật lửa ga lên phòng hát Vip 1. T1 mượn của An 01 chiếc thẻ ATM (không còn giá trị sử dụng) để xào ma túy Ketamine. Khi T1 đang “xào” ma túy thì bị Công an tỉnh Bắc Ninh T1 hành kiểm tra phát hiện và bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: Chất bột màu trắng trong lòng 01 đĩa sứ màu trắng đặt trên mặt bàn dàn đèn trong phòng hát Vip1, 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank, 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ. Thu của T1 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã T1 hành niêm phong chất bột màu trắng trên đĩa sứ (ký hiệu VIP1) và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình kiểm tra tại đây, Cơ quan Công an còn phát hiện, bắt quả tang tại phòng 401 Hoàng Thị N1 đang bán dâm cho Nguyễn Văn Đ, tại phòng 407 Trần Thị M đang bán dâm cho Nguyễn Hữu S. Vật chứng thu giữ gồm: 02 bao cao su đã qua sử dụng, thu của Trần Thị M và Hoàng Thị N1 mỗi người 500.000 đồng (là tiền S, Đ trả M, N1 để mua dâm). Thu của S 01 tờ giấy khổ A4 trên đó phô tô tờ tiền Việt N mệnh giá 200.000 đồng có số Sê ri BU 18913286. Cơ quan Công an đã T1 hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra xác định khi T1 đi xuống tầng 1 gặp Đ T để mua ma túy thì N1 đi vào phòng hát Vip 1 ngồi cạnh Nguyễn Văn Đ. Trong lúc ngồi hát Đ đặt vấn đề muốn mua dâm thì N1 đồng ý. N1 cùng Đ đi ra gặp Văn T ở quầy lễ tân tầng 2 đặt vấn đề mua dâm và thuê phòng. Văn T đồng ý thu của Đ 150.000 đồng rồi đưa chìa khóa phòng 401 cho Đ. Lát sau S đi từ phòng hát Vip1 ra ngoài đặt vấn đề mua dâm. Văn T đồng ý cầm của S 200.000 đồng và đưa S lên phòng 407. Sau đó Văn T bảo Trần Thị M sang bán dâm cho S. Tại phòng 401, Đ đưa cho N1 500.000 đồng tiền mua dâm, sau đó Đ và N1 cùng nhau quan hệ tình dục. Tại phòng 407, S đưa cho M 500.000 đồng tiền mua dâm, sau đó S và M cùng nhau quan hệ tình dục. Khi Đ, N1 và S, M đang quan hệ tình dục thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang.

Sau khi sự việc bị phát giác, H, Đ T, Văn T ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đ T tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 túi ni lon màu trắng, trong đó: 01 túi chứa chất tinh thể màu trắng, 01 túi chứa chất bột màu trắng là số ma túy Ketamine mà H đưa cho T còn lại chưa bán được, Cơ quan điều tra đã niêm phong số ma túy mà T giao nộp theo quy định của pháp luật; H giao nộp số tiền 4.500.000 đồng; Văn T giao nộp số tiền 3.650.000 đồng. Ngoài ra cơ quan Công an điều tra còn thu giữ của Đ T 02 chiếc điện thoại, H 01 chiếc điện thoại, Văn T 01 chiếc điện thoại và 01 tivi nhãn hiệu Asanzo, 01 đầu thu camera.

Ngày 12/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh giám định

chất ma túy đã thu trong khi bắt quả tang cùng số ma túy do Lê Đ T tự giác giao nộp. Tại Bản kết luận giám định số 434/KLGĐMT - PC09 ngày 12/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh, kết luận:

- *Chất tinh thể màu trắng bên trong phong bì thư do T tự giao nộp có khối lượng là 0,6979 gam, là ma túy; Loại ma túy Ketamine.*

- *Chất bột màu trắng bên trong phong bì thư do T tự giao nộp có khối lượng là 0,4246 gam, là ma túy; Loại ma túy Ketamine.*

- *Chất bột màu trắng bên trong phong bì ký hiệu VIP1 có khối lượng là 0,3514 gam, là ma túy; Loại ma túy Ketamine.*

Với nội dung trên, Cáo trạng số 62/CT-VKS-P1 ngày 29/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh các bị cáo Phạm Huy H, Lê Đ T, Lê Văn T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 237 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H khai nhận: Năm 2018 bị cáo có nhờ Lê Thị H1 đứng tên đăng ký kinh doanh quán karaoke H. Trong quá trình hoạt động bị cáo có thuê Lê Đức T, Lê Văn T1. Chiều ngày 10/5/2019 bị cáo dọn phòng 301 quán Karaoke thì nhặt được 01 gói ma túy đựng 05 viên nén hình tròn màu xanh và 02 túi ma túy chứa tinh thể màu trắng. Bị cáo biết là ma túy nên giữ lại và đưa cho Đức T cầm khi nào khách có nhu cầu mua thì bán kiếm lời. Tối ngày 11/5/2019 Đức T đưa cho bị cáo số tiền 4.500.000 đồng là tiền bán ma túy. Sau khi sự việc bị phát giác, bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú và giao nộp số tiền 4.500.000 đồng. Đối với chiếc điện thoại di động Iphone của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên bị cáo xin lại. Bị cáo không biết việc Văn T cho gái hát bán dâm tại quán.

Bị cáo Đ T khai tại phiên tòa: Bị cáo làm nhân viên tại quầy lễ tân quán karaoke H Không với nhiệm vụ sắp xếp các phòng hát, điều nhân viên nữ của quán hát cùng khách, thanh toán tiền khách hát, trả tiền nhân viên phục vụ khách hát. Chiều ngày 10/5/2019 bị cáo H có đưa cho bị cáo ma túy để cất giữ khi nào khách có nhu cầu mua thì bán. Bị cáo cất giữ ma túy trong đầu thu camera tại quầy lễ tân. Tối ngày 11/5/2019 bị cáo T1 nói với bị cáo là có khách hát muốn mua ma túy. Bị cáo lấy 05 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy ke đưa cho bị cáo T1 đưa cho khách và thu về 4.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên bị cáo đã đưa lại cho bị cáo H. Ngoài ra bị cáo còn cất giữ 02 túi ma túy Ketamine do bị cáo H đưa cho vào hộp đựng đầu thu camera. Sau khi hành vi bị phát hiện bị cáo đã đầu thú và tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 túi ma túy. Đối với 02 chiếc điện thoại Iphone không liên quan đến việc phạm tội nên bị cáo muốn xin lại.

Tại phiên tòa bị cáo T1 khai nhận: Bị cáo thừa nhận lời khai của bị cáo H, Đ T là đúng. Bị cáo làm nhân viên phục vụ, dọn dẹp phòng hát, bưng bê đồ khi khách

gọi tại quán karaoke H. Chiều ngày 10/5/2019 bị cáo chứng kiến việc bị cáo H đưa ma túy cho bị cáo Đức T cất giữ để bán khi khách có nhu cầu. Chính vì vậy tối ngày 11/5/2019 khi N hỏi mua ma túy bị cáo đồng ý. Sau đó bị cáo cầm của N số tiền 4.500.000 đồng rồi xuống quầy lễ tân đưa cho bị cáo Đức T và lấy 05 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy Ke lên phòng hát. Tại phòng hát N có nhờ bị cáo xào ma túy Ketamine. Đây là lần đầu tiên bị cáo xào ma túy cho khách và bị cáo H, Đức T không biết sự việc trên. Khi bị cáo đang xào ma túy thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. Bị cáo bị thu giữ 01 chiếc điện thoại Iphone nhưng không liên quan đến việc phạm tội nên muốn xin lại.

Bị cáo Văn T khai nhận tại phiên tòa: Chị H1 là người thuê bị cáo để quản lý các phòng nghỉ của quán, sắp xếp các phòng nghỉ cho khách nghỉ. Cụ thể khi có khách thuê phòng nghỉ thì bị cáo yêu cầu khách xuất trình giấy tờ, vào sổ rồi sắp xếp phòng cho khách nghỉ, thu tiền phòng là 150.000 đồng/01 phòng. Chị H1 yêu cầu bị cáo không được cho nhân viên nữ vào phòng nghỉ cùng khách, không được hoạt động mại dâm tại các phòng nghỉ. Tuy nhiên trong quá trình làm việc do hám lời nên bị cáo đã tự ý sắp xếp cho nhân viên nữ của quán bán dâm cho khách để hưởng tiền thuê phòng của khách. Cụ thể tối ngày 11/5/2019 bị cáo sắp xếp phòng 401 cho nhân viên N1 và Đ quan hệ tình dục, phòng 407 cho nhân viên M và S quan hệ tình dục. Đ đã đưa cho bị cáo 150.000 đồng, S đưa cho bị cáo 200.000 đồng. Khi 02 đôi đang quan hệ tình dục thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang. Đây là lần đầu tiên bị cáo cho khách mua dâm tại quán, bị cáo H, chị H1 không biết. Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone không liên quan đến việc phạm tội nên muốn xin lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Chị đứng tên đăng ký kinh doanh quán karaoke H Kông. Tuy nhiên chị không chỉ đạo và không biết sự việc các bị cáo mua bán trái phép chất ma túy và chứa mại dâm tại quán.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh N, anh S, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Tối ngày 11/5/2019 các anh đến quán karaoke H Kông để hát. Trong quá trình hát N đã mua ma túy sử dụng trong phòng hát; S, Đ mua dâm nhân viên tại quán.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị M, chị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Tối ngày 11/5/2019 M, N1 đang bán dâm thì bị phát hiện. Cơ quan Công an thu giữ của mỗi người 500.000 đồng là số tiền các đối tượng mua dâm trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa theo Quyết định phân công Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã giữ N1 quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 62/CT- VKS ngày 29/8/2019. Trong phần luận tội đã phân tích N1 nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm

cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Tuyên bố các bị cáo Phạm Huy H (Tên gọi khác: Nguyễn Văn H, Phạm Thanh H), Lê Đ T, Lê Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Chứa mại dâm”.

*Hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Huy H từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Tổng hợp hình phạt tại bản án hình sự phúc thẩm số 772/2019/HS-PT ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án từ 66 tháng đến 72 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2019. Phạt bổ sung bị cáo H từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng thu nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự Xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 28 tháng đến 34 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 26 tháng đến 32 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2019

Căn cứ điểm c khoản 2, 5 Điều 327; điểm s khoản, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2019;

Phạt bổ sung bị cáo Văn T từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng thu nộp ngân sách nhà nước.

* Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư chứa mẫu vật ma túy còn lại sau giám định; 02 phong bì thư chứa bao cao su, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ ATM, 01 bật lửa. Trả lại mỗi bị cáo H, T1, Văn T 01 chiếc điện thoại Iphone, bị cáo Đ T 02 chiếc điện thoại Iphone; trả lại bị cáo Văn T số tiền 3.300.000 đồng; trả lại bị cáo H 01 tivi, 01 đầu thu camera nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.850.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo sau khi nghe luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du không có ý kiến gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H trình bày tại phiên tòa: Cơ bản nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, xét về vai trò thì bị cáo H không phải là người giữ vai trò chính vì bị cáo chỉ đạo bị cáo Đ T chứ không chỉ đạo bị cáo T1. Như vậy không phải là đồng phạm với bị cáo T1. Bị cáo H đưa ma túy cho bị cáo Đ T sử dụng hoặc bán thì tùy ý. Mặc dù bị cáo có nhân thân xấu nhưng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự đầu thú nên được hưởng 02 tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 26 tháng tù. Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng. Bị cáo H thống nhất lời bào chữa của Luật sư, không có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đối đáp với Luật sư: Phân tích, đánh giá vai trò của bị cáo H từ khi nhặt được ma túy cho đến khi nhận số tiền 4.500.000 đồng do bị cáo Đức T đưa. Bị cáo H là người được hưởng lợi. Khi bị cáo H đưa ma túy cho bị cáo Đức T thì bị cáo T1 có mặt ở đó nên biết việc bị cáo H có ma túy bảo bị cáo Đức T bán. Vì vậy khi có khách hỏi bị cáo T1 đã bán ma túy cho khách nên xác định đồng phạm với bị cáo H. Việc bán ma túy nhằm mục đích thu lời bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H. Vì vậy Kiểm sát viên giữ N1 quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12 tháng 5 năm 2019 tại quán Karaoke H ở thôn Đ, xã Đ, huyện Tiên Du, bị cáo Lê Văn T1 đã có hành vi bán trái phép 0,3514 gram ma túy Ketamine cho Trần Đình N thu về số tiền là 4.500.000 đồng. Nguồn gốc số ma túy trên của bị cáo H. Ngoài ra các bị cáo H, Đức T tàng trữ 1,1225 gram ma túy Ketamine mục đích để bán. Vì vậy các bị cáo H, Đức T bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tổng trọng lượng 1,4739 gram ma túy Ketamine, bị cáo T1 bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với trọng lượng 0,3514 gram ma túy Ketamine là có căn cứ. Đối với bị cáo Văn T một mình tự ý cho 02 đôi mua bán dâm tại quán nên Cáo trạng truy tố về tội “Chứa mại dâm” với tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội 02 lần trở lên” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án có thể thấy hành vi phạm tội của bị cáo Văn T tách biệt, không liên quan đến hành vi của các bị cáo H, Đức T, T1. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi bán ma túy các bị cáo H, Đ T, T1 không có sự bàn bạc, phân công cụ thể nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo H có vai trò chính khi nhặt được ma túy không báo cơ quan chức năng, do hám lời nên giữ lại để bán. Bị cáo Đức T, T1 là nhân viên của quán sau khi biết sự việc không khuyên nhủ bị cáo H mà tích cực cất giữ và trực tiếp bán ma túy.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Cụ thể hành vi của các bị cáo H, Đức T, T1 đã trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Hành vi của bị cáo Văn T tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, huỷ hoại nhân cách con người. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây khó khăn trong công tác phòng chống tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng

đồng và là N1 nhân phát sinh nhiều tội phạm khác.... Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Đức T, T1, Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo H có nhân thân rất xấu: Ngày 26/4/1994 Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc (nay là thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) xử phạt Phạm Thanh H 10 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”. Ngày 26/5/1998 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xử phạt Phạm Thanh H 08 năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Ngày 12/12/2005 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt Phạm Huy H 30 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Ngày 31/7/2019 Tòa án nhân dân quận Hoàng M, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm xử phạt Phạm Huy H 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tính đến nay không coi là tiền án nhưng cần đánh giá về nhân thân bị cáo H khi Hội đồng xét xử lượng hình.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, Đức T, Văn T tự giác xin đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đức T có bố đẻ bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, bà nội được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến, ông ngoại là thương binh hạng 4/4 được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án bị cáo H, Văn T được hưởng lợi từ hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với 02 bị cáo là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng: Phong bì thư chứa mẫu vật ma túy sau giám định là vật cấm lưu hành, 02 phong bì thư chứa 02 bao cao su, 01 đĩa sứ trắng, 01 thẻ ATM, 01 bật lửa không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Trong quá trình điều tra Công an có thu giữ một số tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cụ thể như sau: Trả lại mỗi bị cáo H, T1, Văn T 01 chiếc điện thoại Iphone, trả lại bị cáo Đức T 02 chiếc điện thoại Iphone; trả lại bị cáo Văn T số tiền 3.300.000 đồng; trả lại bị cáo H 01 tivi, 01 đầu thu nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với số tiền 4.500.000 đồng đối tượng N bỏ ra mua ma túy, 1.350.000 đồng tiền các đối tượng Đ, S bỏ ra mua dâm, thuê phòng là khoản thu lời bất chính cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Liên quan trong vụ án có đối tượng Trần Đình N đã mua 05 viên ma túy keo sau đó cùng các đối tượng A, D, P, H sử dụng hết. Vì vậy cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xác định được khối lượng, loại ma túy mà H, Đức T, T1 đã

bán cho N nên chưa đủ căn cứ xử lý về hình sự về hành vi bán trái phép 05 viên ma túy kẹo. Đối tượng N đã mua 05 viên ma túy kẹo và 0,3514 gram ma túy ketamine với mục đích sử dụng. Do N không có tiền án, tiền sự về các tội ma túy, khối lượng ma túy chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Công an tỉnh Bắc Ninh xử lý hành chính đối với N về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là phù hợp pháp luật. Các đối tượng Nguyễn Văn A, Lò Thị D, Hoàng Thị P, Nguyễn Kim H đã sử dụng trái phép chất ma túy, Công an tỉnh Bắc Ninh xử lý hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng pháp luật.

Khi mua ma túy N không nói cho bị cáo T1 sẽ sử dụng ma túy như thế nào, ở đâu. Các đối tượng N, A, D, P, H sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát các bị cáo H, Đ T, T1 không biết. Việc bị cáo T1 xào ma túy Ketamine là do N nhờ. Xét thấy việc T1 “xào” ma túy nhằm mục đích bán ma túy, N chưa sử dụng ma túy Ketamine thì bị bắt nên không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với bị cáo H, Đ T và T1 về hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Việc các bị cáo H, Đức T, T1 bán trái phép chất ma túy tại quán Karaoke H và các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát, Lê Thị H1 không biết nên không có căn cứ xử lý đối với H1.

Bị cáo Văn T tự ý để cho Đ và N1, S và M mua bán dâm tại phòng nghỉ rồi thu tiền phòng, quá trình điều tra xác định Lê Thị H1 và bị cáo Phạm Huy H không biết sự việc này nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với H1 và H. Đối với Lê Thị H1, là người đứng tên đăng ký kinh doanh quán Karaoke H Không do thiếu trách nhiệm đã để xảy ra hoạt động mại dâm sử dụng trái phép chất ma túy tại quán, Công an tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính đối với H1 bằng hình thức phạt tiền là phù hợp pháp luật. Đối với Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Hữu S, Hoàng Thị N1, Trần Thị M có hành vi mua, bán dâm. Công an tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Về án phí: Các bị cáo PH1 chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Huy H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H, Phạm Thanh H), Lê Đ T, Lê Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Hình phạt và điều luật áp dụng

*Căn cứ khoản 1, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Huy H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H, Phạm Thanh H) 30 (ba mươi) tháng tù. Tổng hợp hình phạt tại bản án hình sự phúc thẩm số: 772/2019/HS-PT ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị

cáo pH1 chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 66 (sáu mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2019. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Huy H 5.000.000 đồng thu nộp ngân sách nhà nước.

*Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đ T 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2019.

*Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2019.

*Căn cứ điểm c khoản 2, 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2019. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng thu nộp ngân sách nhà nước.

Tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, niêm phong còn N1 vẹn. Một mặt ghi chữ: K/gửi Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh Bắc Ninh. Mẫu vật còn lại sau giám định, kèm theo Kết luận giám định số 443/KLGĐMT-PC09 ngày 12/5/2019;

+ 01 phong bì thư niêm phong còn N1 vẹn. Một mặt ghi chữ Nguyễn Hữu S, sinh năm 1987 ở M, P, Q, Bắc Ninh;

+ 01 phong bì thư niêm phong còn N1 vẹn. Một mặt ghi chữ thu của Nguyễn Văn Đ.

+ 01 đĩa sức màu trắng, 01 thẻ ATM và 01 bật lửa màu đỏ;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 5.850.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt N

- Trả lại bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có ốp lưng màu H đã qua sử dụng, 01 tivi nhãn hiệu Asanzo đã qua sử dụng, 01 đầu thu nhãn hiệu HikVision đã qua sử dụng; trả lại bị cáo Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, bọc vỏ màu nâu, bên trong vỏ có tờ giấy ghi chữ nho, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, vỏ không màu, đã qua sử dụng; trả lại bị cáo Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt trắng, mặt sau màu H, bọc vỏ màu đen, đã qua sử dụng và số tiền 3.300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt N; trả lại bị cáo T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, đã qua sử dụng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2019)

4. Về án phí áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo PH1 chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án./.

Nơi nhận;

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND huyện Tiên Du;
- Công an huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Những NTGTT;
- Lưu HS, VP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tuấn